

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 30 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Trung;

Ông Nguyễn Trần Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Vũ L, sinh năm 1998, tại tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1965 (*Chết*) và bà Trần Minh H, sinh năm 1965 (*Chết*); có vợ Hồng Thị P, sinh năm 1998 và chưa có con; tiền án: Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên mức hình phạt 09 tháng tù giam (*Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HSST*) đã thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 27/11/2019 và chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/7/2020; tiền sự: Ngày 10/4/2021, bị Ủy ban nhân dân phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định chấp hành biện pháp áp dụng biện pháp giáo dục tại phường theo Quyết định số: 14/QĐ-UBND; nhân thân: Ngày 17/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện

bắt buộc (*Quyết định số 20*), với thời gian chấp hành là 12 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc; bị bắt, tạm giam: Từ ngày 18/8/2021 đến ngày 24/8/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, từ ngày 24/8/2021 đến ngày 08/9/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, từ ngày 08/9/2021 đến ngày 01/11/2021 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Họ và tên: Bùi Văn Tuấn E (Tên gọi khác: Nu G), sinh năm 1997, tại tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T 1, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; hiện tại, bị cáo đang bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 25/8/2021 đến ngày 25/12/2021 tại Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Huỳnh Văn T 2, sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Ấp Phú X, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Lê Hoàng H, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh T, xã Châu P, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

3. Lê Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hồ Anh Tuấn H 1, sinh năm 1990 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hồ Thanh N, sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An P, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thế T 3, sinh năm 1998 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chế Thanh S, sinh năm 1988 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An T, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị T 4, sinh năm 1962 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị Kim N 1, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Hồng Thị P, sinh năm 1998 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Ấp C, xã An H, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Đức T 5, sinh năm 2009 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Trần Đức T 5: Là ông Trần Văn B, sinh năm 1986, nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Văn B, sinh năm 1986 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trịnh Văn U, sinh năm 1983 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Vũ L sau khi chấp hành xong hình phạt 09 (*Chín*) tháng tù vào ngày 27/7/2020 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST, ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp, về tội “*Trộm cắp tài sản*” và về nơi cư trú sinh sống, do lười lao động nên lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản lý, trông coi tài sản của chủ sở hữu, tự ý một mình và cùng với Bùi Văn Tuấn E, Hồ Anh Tuấn H 1 thực hiện hành vi lén lút lấy trộm. Cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ, ngày 31 tháng 7 năm 2021 Hồ Anh Tuấn H 1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YMHMAXNEO, màu sơn trắng - đen, biển số 66HA - 006.71 đến nhà Lê Vũ L rủ đi trộm tài sản thì L đồng ý và L điều khiển xe chở H 1 đến gần Trại trông giữ cá nuôi của ông Huỳnh Văn T 2 ở Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, lúc này H 1 đi đến bên hông Trại lén lút lấy 01 (*Một*) bình ắc quy màu trắng, loại N28 - 12V - 28AH, nhãn hiệu GLOBE; 01 (*Một*) cục kích điện và 01 (*Một*) bình mũ nhựa, màu xanh thì bị ông Trần Văn B nhà ở gần đó phát hiện và tri hô nên cùng T 2 rượt đuổi nhưng H 1 lên xe, L điều khiển chạy thoát. Sau khi trộm được các tài sản trên, H 1 và L tiếp tục điều khiển xe đến nhà Hồ Thanh N ở Khóm An P, phường An B,

thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bán với giá 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và số tiền này cả hai cùng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ, ngày 13 tháng 8 năm 2021 Lê Vũ L phát hiện trên xe Lu của ông Lê Hoàng H đang đậu trên tuyến đường Quốc lộ 30 thuộc Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp có 02 (*Hai*) bình ắc quy màu đen - vàng, loại 08AH, nhãn hiệu TROYBATTERY nhưng không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm; Lúc này L dùng tay mở lấy 02 (*Hai*) bình ắc quy trên và đem bán cho ông Chế Hoàng S ở Khóm An T, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp với giá 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện các tài sản trên bị mất, ông Huỳnh Văn T 2 và ông Lê Hoàng H trình báo đến Công an phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi tiếp nhận, Công an phường An B đã thu hồi các tài sản của T 2, ông S bị mất; đồng thời chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo thẩm quyền. Qua điều tra, ngày 15/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Lê Vũ L về hành vi Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Lần thứ ba: Sau khi bị khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản trên, đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2021 Lê Vũ L rủ Bùi Văn Tuấn E (*Tên gọi khác là Nu Gấm*) đi trộm tài sản của người khác thì Tuấn E đồng ý, cả hai đi bộ đến Cửa hàng sửa điện thoại Chí Nguyên ở Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Văn C làm chủ, khi đến Tuấn E đứng bên ngoài canh đường còn L leo lên mái nhà đột nhập vào bên trong lấy trộm các tài sản như: 11 (*Mười một*) điện thoại di động các loại nhãn hiệu khác nhau; 10 (*Mười*) thẻ Sim điện thoại loại Vietnamobile; 01 (*Một*) bộ vòng tay (*20 chiếc*) bằng kim loại màu vàng; 01 (*Một*) chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng; tiền Việt Nam khoảng 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) đến 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*), bỏ vào túi vải màu đen và rời khỏi hiện trường. Sau đó cả 2 đi đến đường Tránh thuộc Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và thông tin cho Nguyễn Thế T 3 (*Tên gọi khác là Nu Ủ*) cùng đến kiểm tra, rồi phân chia các tài sản vừa trộm được như điện thoại di động, thẻ Sim để sử dụng cá nhân, số điện thoại di động còn lại cho những người thân quen sử dụng (*cho bà Nguyễn Thị T 4 và bà Hồng Thị P*) và bán cho người khác lấy tiền cùng tiêu xài (*bán cho bà Nguyễn Thị Kim N 1 01 điện thoại di động giá 500.000 đồng*).

Đến ngày 17/8/2021 ông Chí đến Cửa tiệm thì phát hiện các tài sản trên bị mất nên trình báo đến Công an phường An B, thành phố H. Qua rà soát, xác minh, do Lê Vũ L và Bùi Văn Tuấn E thực hiện nên triệu tập làm việc và cả hai đã thừa nhận hành vi lấy trộm như trên và tiến hành thu hồi một số tài sản liên quan. Tại Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, hai bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng đã thu giữ gồm: Tài sản bị mất vào ngày 31/7/2021: 01 (Một) cục kích điện; 01 (Một) bình ắc quy nhãn hiệu GLOBE, loại N28 - 12V - 28AH, màu sơn trắng; 01 (Một) bình mũ nhựa, màu xanh; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YMHMAXNEO, biển số 66HA - 006.71, màu sơn trắng - đen, tất cả đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; tài sản bị mất vào ngày 13/8/2021: 02 (Hai) bình ắc quy nhãn hiệu TROYBATTERY, loại 08AH, màu sơn đen - vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; tài sản bị mất vào ngày 16/8/2021: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng nhạt; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng gol; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7PLUS, màu đen; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, màu vàng gol; 01 (Một) cục sạc pin điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu đen, tất cả tài sản này đều đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐG, ngày 14/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau: 01 (Một) cục kích điện, đã qua sử dụng là: 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 (Một) bình ắc quy nhãn hiệu GLOBE, loại N28 - 12V - 28AH, màu sơn trắng, đã qua sử dụng là: 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*); 01 (Một) bình mũ nhựa, màu xanh, đã qua sử dụng là: 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*). Tổng cộng giá trị các tài sản là: 260.000 đồng (*Sáu trăm sáu chục nghìn đồng*).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 50/KL-HĐĐG, ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau: Giá trị 02 (Hai) bình ắc quy nhãn hiệu TROYBATTERY, loại 08AH, màu sơn đen - vàng, đã qua sử dụng là: 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 53/KL-HĐĐG, ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng gol, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7PLUS, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, màu vàng gol, đã qua sử dụng, không

kiểm tra chất lượng hoạt động là: 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*); 01 (*Một*) cục sạc pin điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 30.000 đồng (*Ba chục nghìn đồng*). Tổng cộng giá trị các tài sản là: 13.430.000đồng (*Mười ba triệu bốn trăm ba chục nghìn đồng*).

Ngày 18/9/2021, giữa bị hại Lê Văn C và các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E đã tự nguyện thống nhất xác định giá trị thực tế các tài sản đã sử dụng cá nhân hết và không thu hồi được gồm: 04 (*Bốn*) điện thoại di động các loại nhãn hiệu khác nhau; 10 (*Mười*) thẻ Sim điện thoại loại Vietnamobile; 01 (*Một*) bộ vòng tay (*20 chiếc*) bằng kim loại màu vàng; 01 (*Một*) chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng và tiền Việt Nam khoảng 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) đến 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) với tổng giá trị thiệt hại là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Việc xử lý vật chứng vụ án của Cơ quan điều tra: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản đã thu giữ cho bị hại, người liên quan.

Về dân sự trong vụ án: Giai đoạn điều tra, các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E tự nguyện thống nhất bồi thường giá trị thực tế các tài sản (04 điện thoại di động, 01 bộ vòng 20 chiếc, 01 chiếc lắc và 10 thẻ sim VietNamobile) đã sử dụng cá nhân hết và không thu hồi được cho bị hại Lê Văn C với số tiền là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*). Riêng các bị hại khác là ông Huỳnh Văn T 2, ông Lê Hoàng H và người liên quan ông Hồ Thanh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác có liên quan đối với các bị cáo. Ngoài ra, số tiền ông Chế Hoàng S, ông Hồ Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim N 1 mua các tài sản như bình ắc quy, điện thoại di động đã tự nguyện không yêu cầu các bị cáo trả lại.

Tại Bản cáo trạng số: 60/CT-VKSTPHN ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa, Kiểm sát viên xin thay đổi từ điểm a thành điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã phát biểu lời luận tội: Khẳng định hành vi của các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h

khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Vũ L từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn Tuấn E từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù; về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Các bị cáo là người làm thuê, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng.

Đối với ông Hồ Anh Tuấn H 1, khi cùng L thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của ông Huỳnh Văn T 2, là người rủ rê L nhưng không phân công nhiệm vụ cụ thể hay cấu kết chặt chẽ về vai trò cho nên hành vi thuộc đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức và giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá là 260.000 đồng (*Hai trăm sáu chục nghìn đồng*), không đủ định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản và Cơ quan điều tra có Công văn đề nghị Công an thành phố H xử lý bằng biện pháp hành chính khác là phù hợp và có cơ sở nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra, khi ông Nguyễn Thế T 3 nhận tài sản, biết các bị cáo Lê Vũ L và Bùi Văn Tuấn E cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn C mà có và trực tiếp phân chia tài sản để tiêu xài cá nhân nhưng qua làm việc (*01 lần vào ngày 19/8/2021*) T 3 không thừa nhận biết việc L, Tuấn E trộm tài sản của người khác, ngoài ra khi nhận tài sản từ L không người chứng kiến và đến nay qua xác minh T 3 không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được nên chưa đủ cơ sở xử lý hành vi vi phạm liên quan, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Hồ Thanh N, ông Chế Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim N 1, bà Nguyễn Thị T 4 và bà Hồng Thị P, khi mua và nhận tặng cho tài sản từ các bị cáo, không biết đây là tài sản do trộm cắp nên không xem xét đến hành vi tiêu thụ hay chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với người thanh niên tên Trường M, được bị cáo L nhờ bán hộ điện thoại, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể và việc nhờ bán không người chứng kiến, không có căn cứ nên Viện kiểm sát không đề cập đến, khi nào xác định rõ nhân thân, lai lịch và làm việc được người thanh niên trên nếu đủ căn cứ sẽ xử lý hành vi vi phạm pháp luật có liên quan.

Đối với 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu YMHMAXNEO, biển số 66HA - 006.71, màu sơn trắng - đen, đã qua sử dụng do ông Hồ Thanh N là chủ sở hữu, trực tiếp quản lý, sử dụng khi cho H 1 mượn xe không biết dùng vào việc phạm tội và 01 (*Một*) cục sạc pin điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen của bị cáo L là chủ sở hữu, không liên quan đến các hành vi phạm tội trên, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N và bị cáo L là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E tự nguyện thống nhất bồi thường giá trị thực tế các tài sản (04 điện thoại di động, 01 bộ vòng 20 chiếc, 01 chiếc lắc và 10 thẻ sim VietNamobile) đã sử dụng cá nhân và không thu hồi được cho bị hại Lê Văn C với số tiền là 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*). Đối với các bị hại như ông Huỳnh Văn T 2, ông Lê Hoàng H và người liên quan ông Hồ Thanh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác có liên quan đối với các bị cáo, xét sự tự nguyện thỏa thuận của các bên là phù hợp quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền ông Chế Hoàng S, ông Hồ Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim N 1 mua các tài sản như bình ắc quy, điện thoại di động nhưng tự nguyện không yêu cầu các bị cáo trả lại nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp và đúng quy định nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Các bị cáo thống nhất nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, cụ thể như sau: Ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân thị xã H (*nay là thành phố H*), tỉnh Đồng Tháp đã xét xử bị cáo L về tội trộm cắp tài sản với mức án 09 (chín) tháng tù và chấp hành hình phạt xong vào ngày 27/7/2020 đến nay bị cáo L chưa được xóa án tích mà còn vi phạm như sau: Vào khoảng 21 giờ, ngày 31 tháng 7 năm 2021, Hồ Anh Tuấn H 1 và bị cáo L lén lút lấy trộm 01 (*Một*) bình ắc quy màu trắng, loại N28 - 12V - 28AH, nhãn hiệu GLOBE; 01 (*Một*) cục kích điện và 01 (*Một*) bình mũ nhựa, màu xanh và bán với giá 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và tiêu xài cá nhân; khoảng 13 giờ, ngày 13 tháng 8 năm 2021, bị cáo L tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm 02 (*Hai*) bình ắc quy màu đen - vàng, loại 08AH, nhãn hiệu

TROYBATTERY và bán với giá 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) và tiêu xài cá nhân; Sau khi bị khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản trên, thì đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Vũ L rủ bị cáo Bùi Văn Tuấn E (*Tên gọi khác là Nu G*) đi trộm tài sản của người khác thì Tuấn E đồng ý và cả hai bị cáo thực hiện hành vi lén lút trộm cắp toàn bộ tài sản như trên vào ngày 16 tháng 8 năm 2021.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn Tuấn E đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể như sau: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2021, bị cáo Tuấn E và bị cáo L cùng thực hiện hành vi lén lút lấy trộm cắp tài sản tại Cửa hàng sửa điện thoại Chí Nguyên ở Khóm An H, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Văn C làm chủ, trong đó bị cáo Tuấn E đứng bên ngoài canh đường còn bị cáo L leo lên mái nhà đột nhập vào bên trong lấy trộm toàn bộ tài sản trên. Sau khi lấy trộm tài sản xong thì bị cáo Tuấn E được chia 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone và mấy trăm nghìn đồng.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là người khỏe mạnh, nhưng các bị cáo không cố gắng lao động để kiếm tiền, sống bằng nguồn thu nhập hợp pháp của các bị cáo mà lại có hành vi lén lút và trộm cắp toàn bộ tài sản nêu trên.

[5] Căn cứ vào các Bản Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐG, ngày 14/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Bản Kết luận định giá tài sản số: 50/KL-HĐĐG, ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Bản Kết luận định giá tài sản số: 53/KL-HĐĐG, ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

[6] Như vậy, đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Lê Vũ L đã phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, còn bị cáo Bùi Văn Tuấn E đã phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[7] Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:* a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;* b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;* ... 5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

[8] Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng thuộc đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Vũ L chủ động (đề xướng) rủ bị cáo Bùi Văn Tuấn E đi trộm cắp tài sản tại Cửa hàng sửa điện thoại Chí Nguyên và được bị cáo Tuấn E đồng ý. Do đó, bị cáo L giữ vai trò chính, cầm đầu, rủ rê nên phải xử lý nghiêm khắc hơn, còn bị cáo Tuấn E giữ vai trò giúp sức nên phải xử lý nhẹ hơn.

[9] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, giá trị thiệt hại không lớn, nhưng hành vi phạm tội có tính chất công khai, liêu lĩnh, trực tiếp xâm hại đến tài sản của các bị hại T 2, H và C; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân, không an tâm lao động sản xuất. Xuất phát từ sự lười lao động, không có nghề nghiệp ổn định, thích lối sống tự do nhưng không có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, thiếu sự quan tâm, quản lý, giáo dục của gia đình, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội, mặc khác do các bị hại sơ hở, lơ là trong việc quản lý, trông coi tài sản đã tạo điều kiện để các bị cáo thực hiện tội phạm.

[10] Tội phạm mà các bị cáo gây ra đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại T 2, H và C, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay, tình hình trộm cắp tài sản trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Do đó, chủ sở hữu tài sản phải thường xuyên đề cao, cảnh giác, không tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho những ai có ý định trộm cắp tài sản và luôn có người quản lý, trông coi, gửi giữ tài sản để tránh bị mất, trộm cắp tài sản.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Vũ L được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, còn bị cáo Bùi Văn Tuấn E được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Vũ L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm (vì bị cáo L phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích) được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, còn bị cáo Bùi Văn Tuấn E: Không có.

[12] Nhân thân của bị cáo Lê Vũ L: Có 01 tiền án và chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; 01 tiền sự và ngày 17/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (*Quyết định số 20*), với thời gian chấp hành là 12 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc.

[13] Nhân thân của bị cáo Bùi Văn Tuấn E: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vì phạm hành chính.

[14] Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là tiền, nhưng xét thấy bị cáo Lê Vũ L không có nghề nghiệp ổn định, còn bị cáo Tuấn E là người lao động làm thuê, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[15] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[16] Đối với ông Hồ Anh Tuấn H 1, khi cùng L thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của ông Huỳnh Văn T 2, là người rủ rê L nhưng không phân công nhiệm vụ cụ thể hay cấu kết chặt chẽ về vai trò cho nên hành vi thuộc đồng phạm gián đơn, không có tính tổ chức và giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá là 260.000 đồng (*Hai trăm sáu chục nghìn đồng*), không đủ định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản và Cơ quan điều tra có Công văn đề nghị Công an thành phố H xử lý bằng biện pháp hành chính khác là phù hợp và có cơ sở nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[17] Quá trình điều tra, khi ông Nguyễn Thế T 3 nhận tài sản, biết các bị cáo Lê Vũ L và Bùi Văn Tuấn E cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn C mà có và trực tiếp phân chia tài sản để tiêu xài cá nhân nhưng qua làm việc (*01 lần vào ngày 19/8/2021*) T 3 không thừa nhận biết việc L, Tuấn E trộm tài sản của người khác, ngoài ra khi nhận tài sản từ L không người chứng kiến và đến nay qua xác minh T 3 không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được nên chưa đủ cơ sở xử lý hành vi vi phạm liên quan, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[18] Đối với ông Hồ Thanh N, ông Chế Hoàng S, bà Nguyễn Thị Kim N 1, bà Nguyễn Thị T 4 và bà Hồng Thị P, khi mua và nhận tặng cho tài sản từ các bị cáo, không biết đây là tài sản do trộm cắp nên không xem xét đến hành vi tiêu thụ hay chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[19] Đối với người thanh niên tên Trường M, được bị cáo L nhờ bán hộ điện thoại, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể và việc nhờ bán không người chứng kiến, không có căn cứ nên Viện kiểm sát không đề cập đến, khi nào xác định rõ nhân thân, lai lịch và làm việc được người thanh niên trên nếu đủ căn cứ

sẽ xử lý hành vi vi phạm pháp luật có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[20] Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YMHMAXNEO, biển số 66HA - 006.71, màu sơn trắng - đen, đã qua sử dụng do ông Hồ Thanh N là chủ sở hữu, trực tiếp quản lý, sử dụng khi cho H 1 mượn xe không biết dùng vào việc phạm tội và 01 (Một) cục sạc pin điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen của bị cáo L là chủ sở hữu, không liên quan đến các hành vi phạm tội trên, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N và bị cáo L là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[21] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E tự nguyện thống nhất bồi thường giá trị thực tế các tài sản (04 điện thoại di động, 01 bộ vòng 20 chiếc, 01 chiếc lắc và 10 thẻ sim VietNamobile) đã sử dụng cá nhân và không thu hồi được cho bị hại Lê Văn C với số tiền là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*). Đối với các bị hại như ông Huỳnh Văn T 2, ông Lê Hoàng H và người liên quan ông Hồ Thanh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại khác có liên quan đối với các bị cáo, xét sự tự nguyện thỏa thuận của các bên là phù hợp quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền ông Chế Hoàng S, ông Hồ Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim N 1 mua các tài sản như bình ắc quy, điện thoại di động nhưng tự nguyện không yêu cầu các bị cáo trả lại nên không đề cập giải quyết.

[22] Về vật chứng vụ án: Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H là phù hợp và đúng quy định nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

[23] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Vũ L, Bùi Văn Tuấn E phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Vũ L phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Lê Vũ L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam (ngày 18/8/2021).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Tuấn E phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Tuấn E 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Lê Vũ L và bị cáo Bùi Văn Tuấn E với bị hại Lê Văn C; bị cáo Lê Vũ L và bị cáo Bùi Văn Tuấn E đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn C tổng giá trị các tài sản (04 điện thoại di động, 01 bộ vòng 20 chiếc, 01 chiếc lắc và 10 thẻ sim VietNamobile) đã sử dụng cá nhân và không thu hồi được với số tiền là 14.000.000đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ khi bị hại Lê Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Lê Vũ L và bị cáo Bùi Văn Tuấn E chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Vũ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 350.000đồng, tổng cộng 550.000đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Bùi Văn Tuấn E phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 350.000đồng, tổng cộng 550.000đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 12 năm 2021). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan THA HS Công an TP. Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Hồng Ngự;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung